

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Trình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Công Chiến

2. Bà Trần Ngọc Diệp

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:***

Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp – Kiểm sát Viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXX-ST ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Cao Thị L, sinh năm 1988,

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện M, tỉnh Q. (vắng mặt và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt)

2- Bị đơn: Anh Ngô Văn T, sinh năm 1981,

Địa chỉ: ấp M, xã M (nay là xã B), thành phố B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2021, bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt nguyên đơn bà Cao Thị L trình bày:*

Bà Cao Thị L và ông Ngô Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình vào năm 2014. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2017, nguyên nhân do ông T uống rượu và xúc phạm bà L, mặc dù gia đình hai bên

đã khuyên nhủ nhưng ông T không khắc phục. Nay bà L xác định không còn tình cảm với ông T nên bà L nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông Ngô Văn T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Ngô Thị Yến V, sinh ngày 04/3/2014, hiện cháu V đang sống chung với ông T, Bà L đồng ý để ông T nuôi con chung và bà L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L khai vợ chồng bà không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện ở xa, khó khăn trong việc đi lại nên bà Cao Thị L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà L, bà L cam kết không khiếu nại gì về sau.

*Theo biên bản lấy lời khai ngày 11/6/2021 bị đơn ông Ngô Văn T trình bày:*

Ông T và bà Cao Thị L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã UBND xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng ông T đã không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Nay bà Cao Thị L xin ly hôn thì ông Ngô Văn T đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Ngô Thị Yến V, sinh ngày 04/3/2014, hiện cháu V đang sống chung với ông T, ông T đồng ý nuôi con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T khai vợ chồng ông không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, không có thời gian đến Tòa án được nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và cam kết không khiếu nại gì về sau.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Cao Thị L; về con chung: Có 01 con chung tên Ngô Thị Yến V, sinh ngày 04/3/2014, giao cháu V cho ông Ngô Văn T nuôi dưỡng và ghi nhận việc ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Cao Thị L yêu cầu ly hôn với ông Ngô Văn T, ông T có nơi cư trú tại xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre. Bà Cao Thị L và ông Ngô Văn T đều có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt bà L, ông T theo quy định tại Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Cao Thị L và ông Ngô Văn T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình nên hôn nhân của bà L và ông T là hợp pháp. Trong quá trình chung sống bà L và ông T sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bà L và ông T đã không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng bà L, ông T thực tế có xảy ra và đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông T phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Ngô Thị Yến V, sinh ngày 04/3/2014, hiện tại cháu V đang sinh sống với ông T, ông T chăm sóc nuôi dưỡng tốt, mặt khác cháu V có nguyện vọng sống với ông T nên việc bà L đồng ý để cho ông T nuôi con chung là phù hợp. Ghi nhận việc ông T không yêu cầu bà Cao Thị L cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L, ông T đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Cao Thị L đối với ông Ngô Văn T. Bà Cao Thị L được ly hôn với ông Ngô Văn T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Cao Thị L và ông Ngô Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao cháu Ngô Thị Yến V, sinh ngày 04/3/2014 cho ông Ngô Văn T tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận việc ông Ngô Văn T không yêu cầu bà Cao Thị L cấp dưỡng nuôi con.

Bà Cao Thị L được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền ngăn cản bà thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết hai bên đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Cao Thị L và ông Ngô Văn T đều khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng bà Cao Thị L phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000038 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Bà Cao Thị L đã nộp xong án phí.

Bà Cao Thị L, ông Ngô Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Ngô Văn Trình**